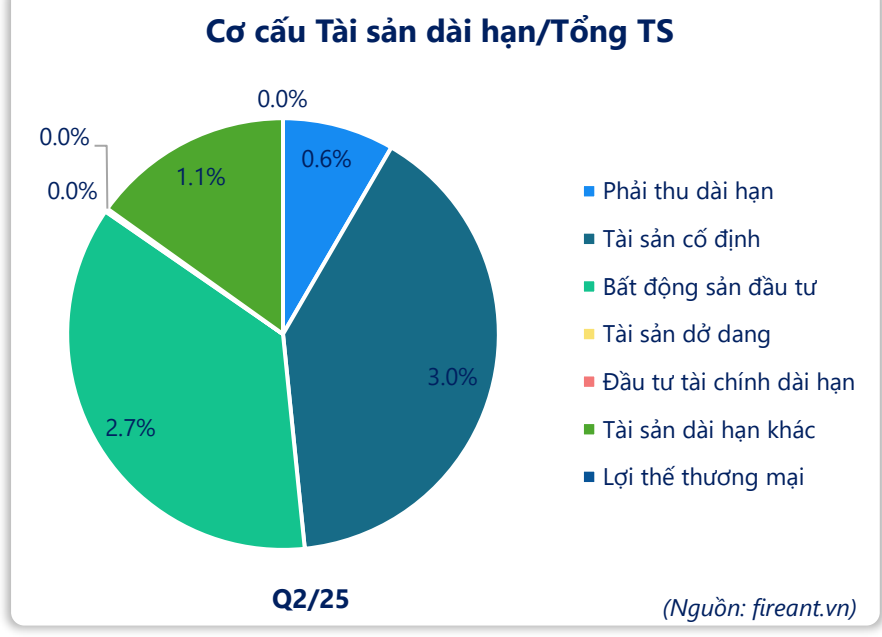
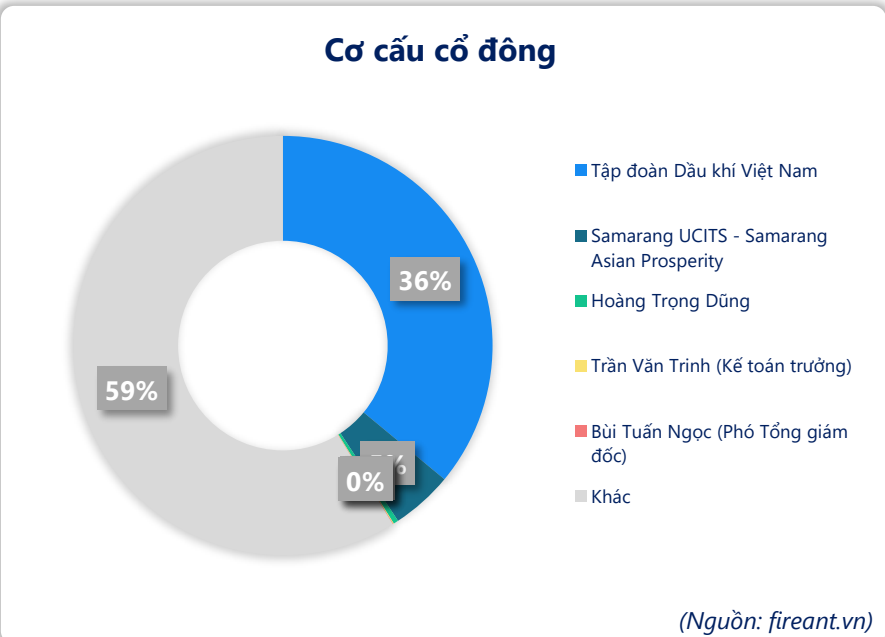
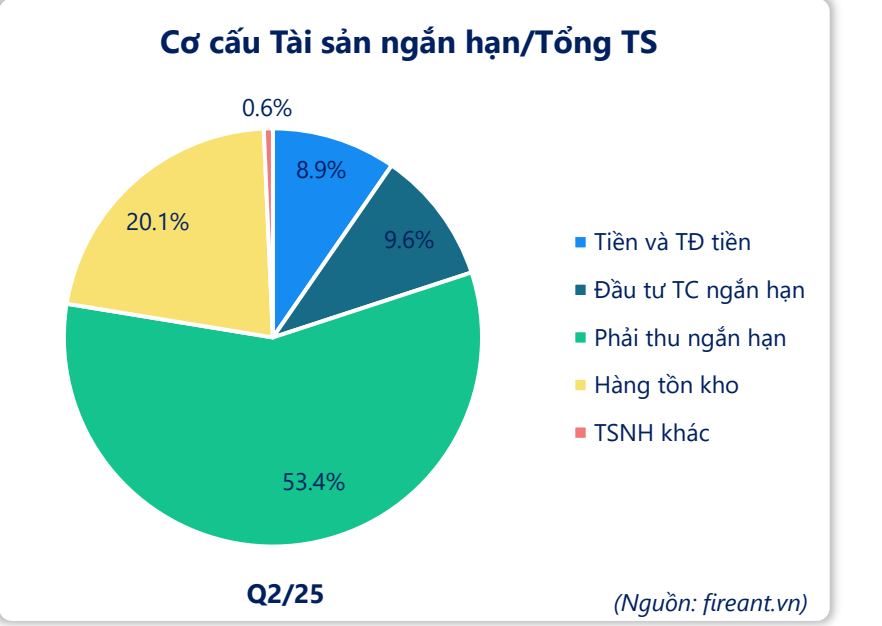
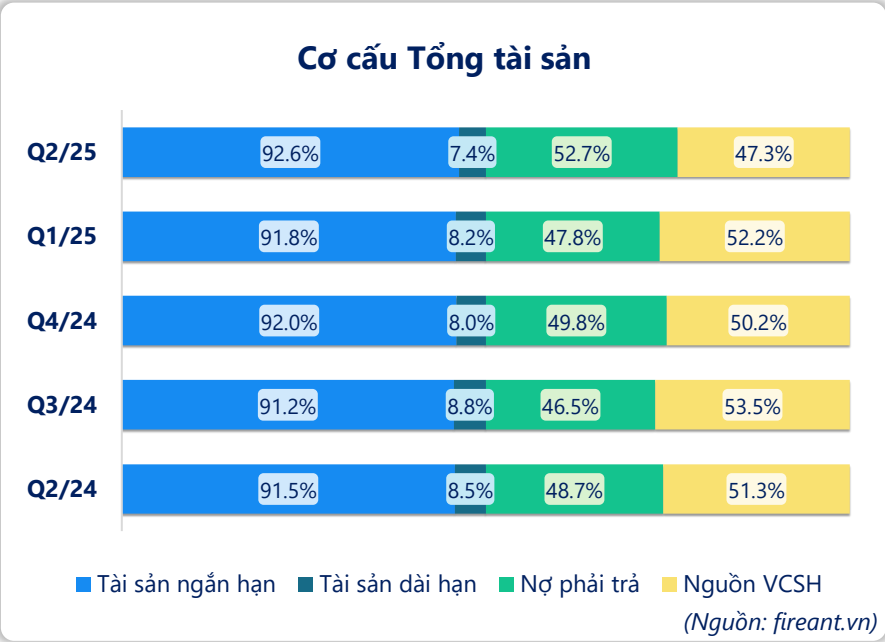
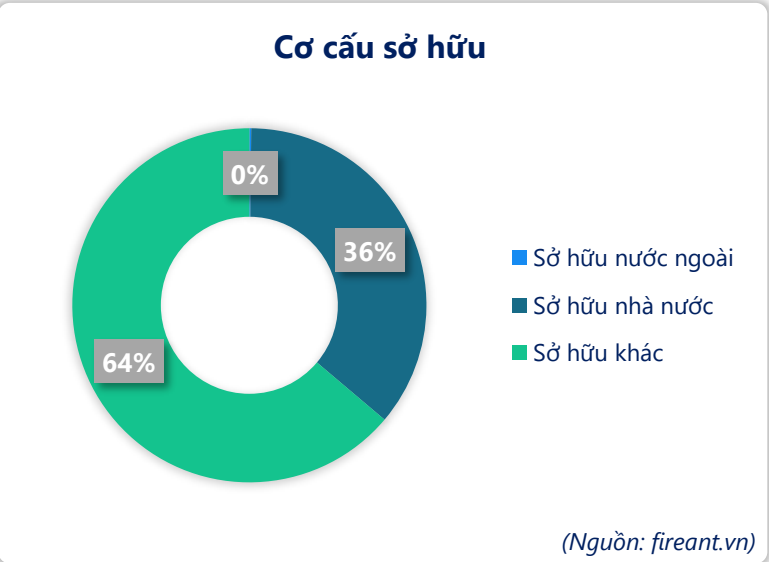
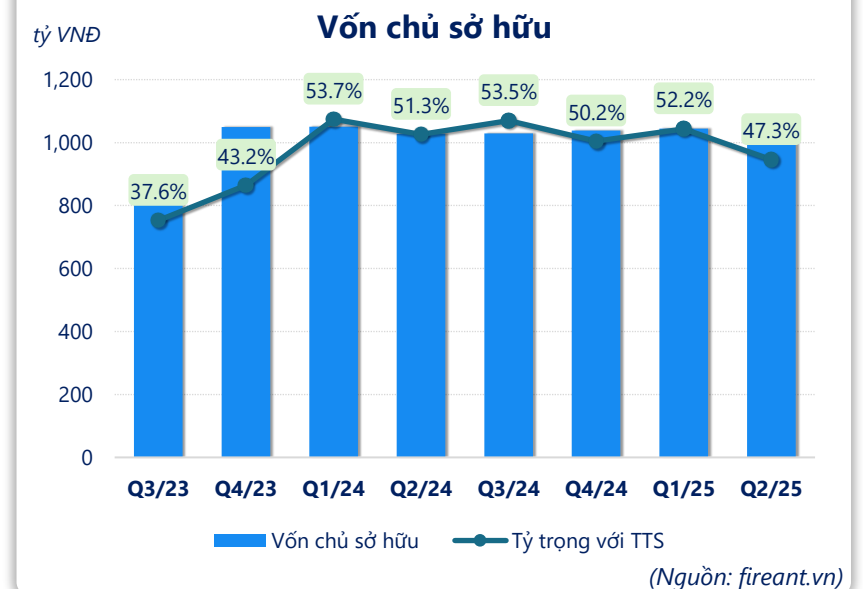
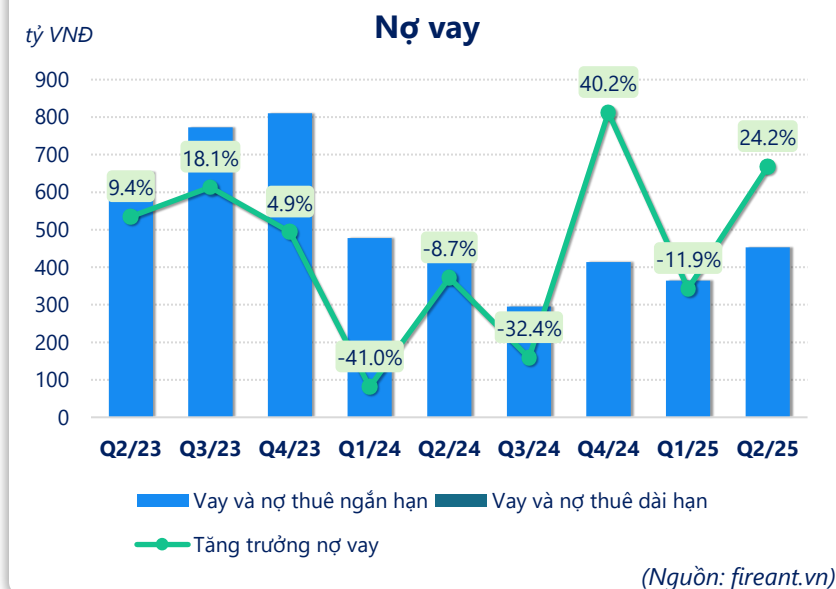
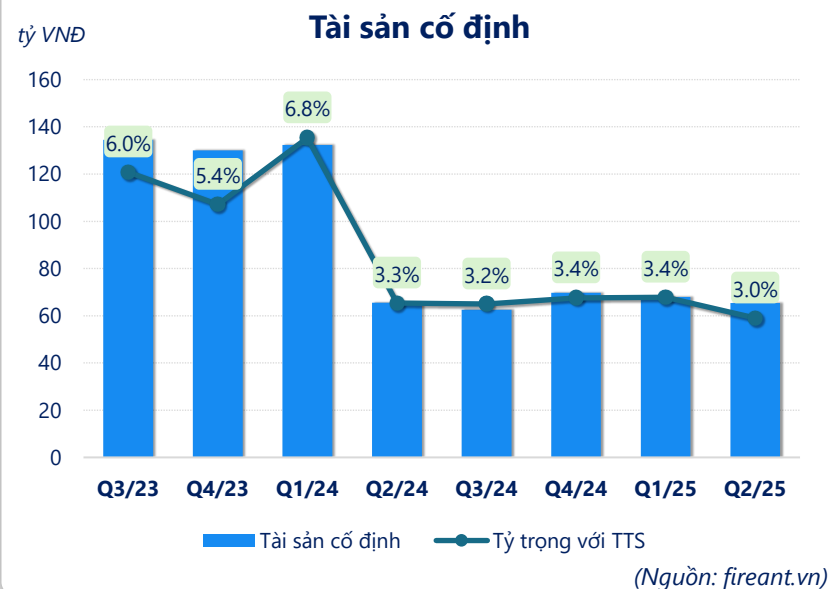
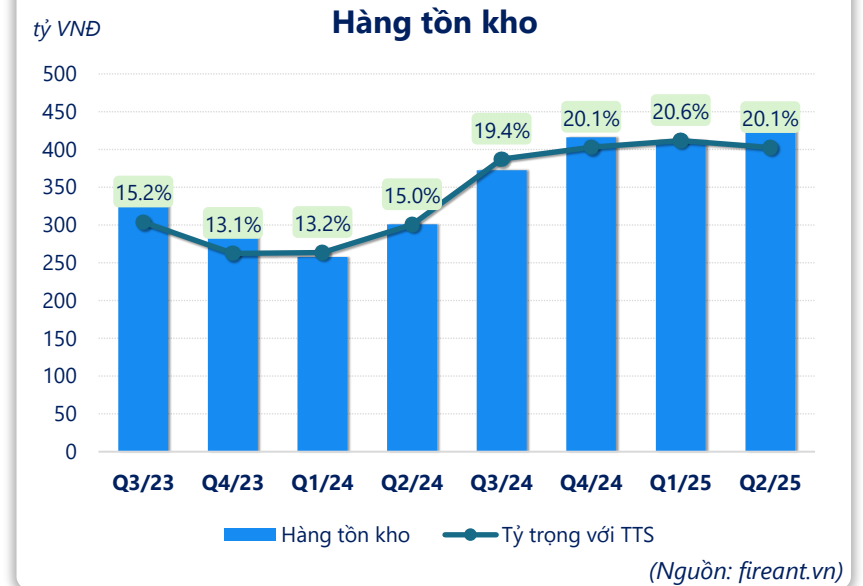
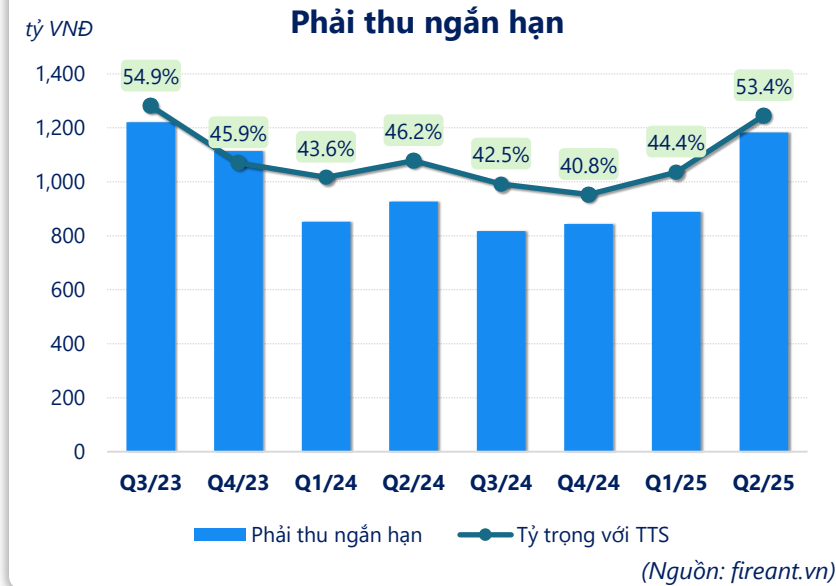
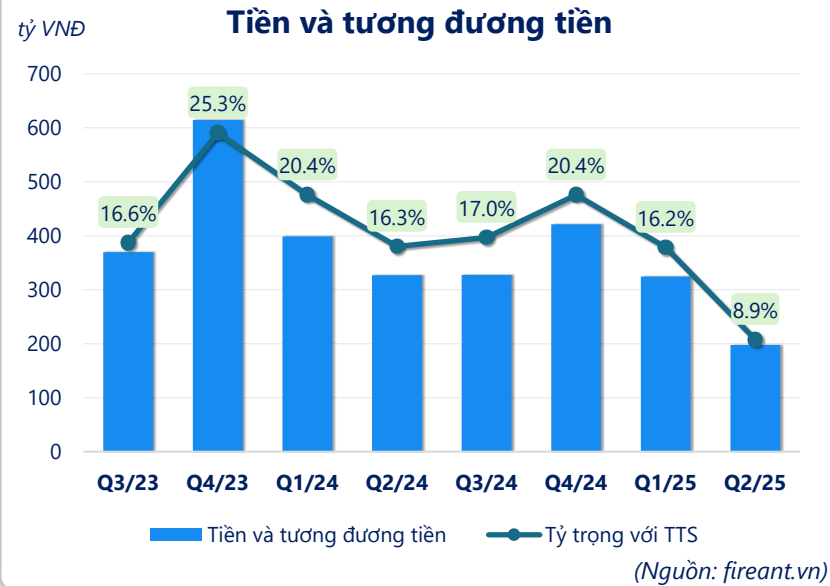
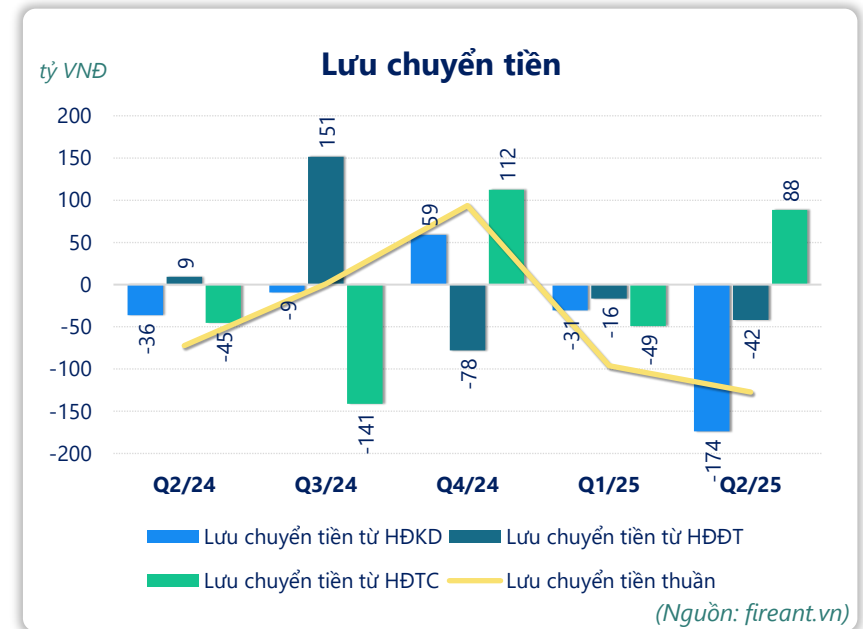
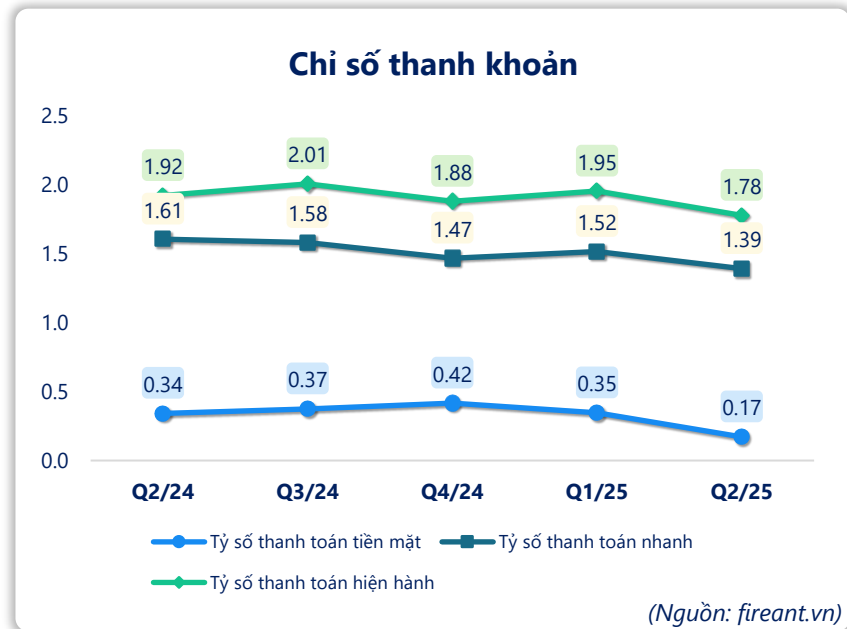
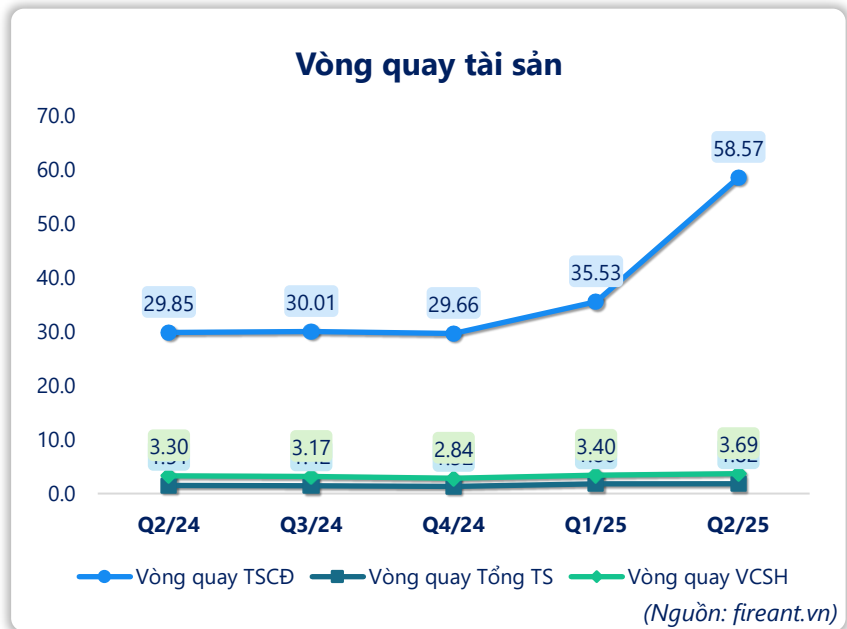
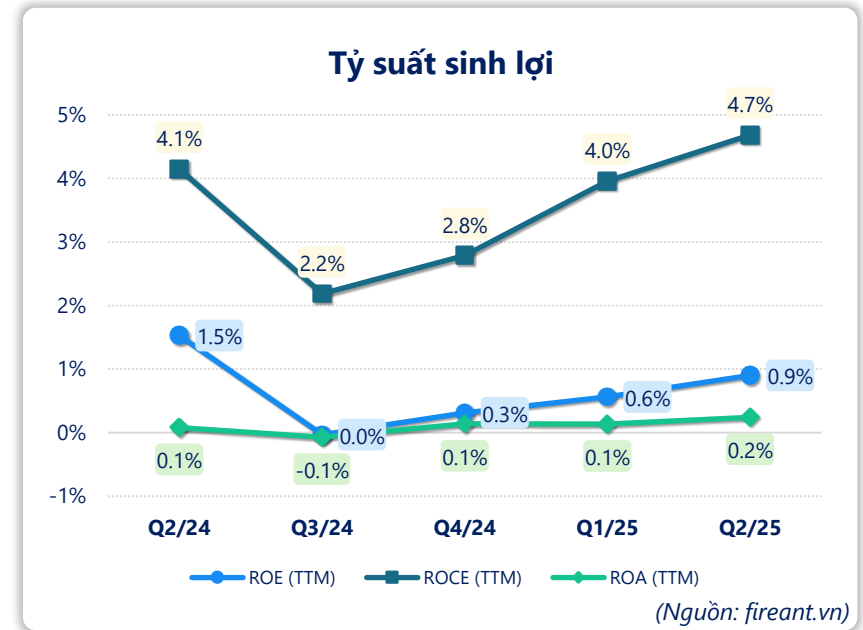
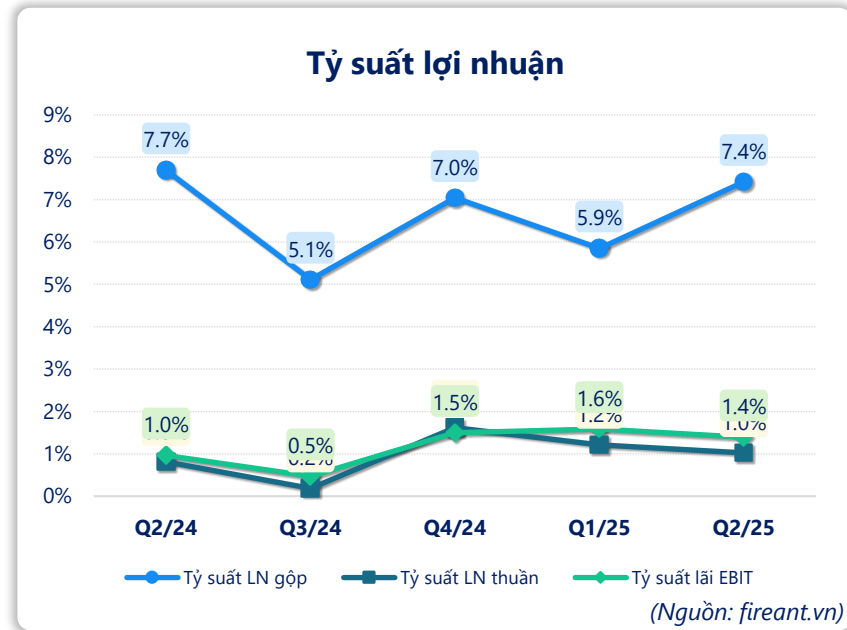
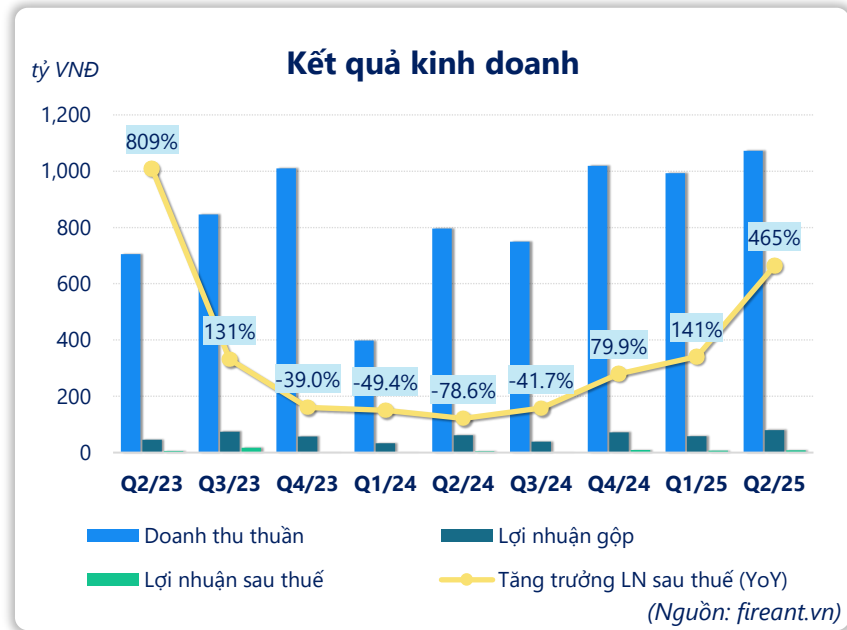


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,579
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,400
SL cổ phiếu LH		81,194,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,499,800
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		958
P/E		102.4
EPS		115

	YTD	1T	3T	6T
PVC	12.4%	15.7%	8.3%	10.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,217	2,065	7.4%
Tài sản ngắn hạn	2,054	1,901	8.1%
Tiền và tương đương tiền	198	421	-53.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	213	203	4.5%
Phải thu ngắn hạn	1,183	844	40.3%
Hàng tồn kho	446	416	7.2%
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	16.9	-14.7%
Tài sản dài hạn	164	165	-0.7%
Phải thu dài hạn	13.7	8.69	57.6%
Tài sản cố định	65.4	69.8	-6.2%
Bất động sản đầu tư	59.3	61.7	-3.9%
Tài sản dở dang	0.41	0.38	7.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	24.7	24.1	2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,169	1,027	13.8%
Nợ ngắn hạn	1,155	1,011	14.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	453	414	9.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	415	370	12.4%
Nợ dài hạn	13.5	16.5	-18.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,049	1,038	1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,049	1,038	1.0%
Vốn điều lệ	812	812	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	797	750	1,019	993	1,073
Giá vốn hàng bán	735	711	947	935	993
Lợi nhuận gộp	61.3	38.3	71.7	58.1	79.6
Doanh thu HĐTC	7.98	5.64	8.44	5.34	5.63
Chi phí TC	1.78	1.99	2.80	5.52	3.51
Chi phí lãi vay	0.81	0.69	0.44	4.35	2.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.1	8.75	11.8	8.67	14.7
Chi phí QLDN	41.9	31.8	49.1	37.2	56.1
LN thuần từ HĐKD	6.45	1.39	16.5	12.1	10.9
Lợi nhuận khác	0.42	1.46	-1.68	-0.67	1.81
LN trước thuế	6.87	2.85	14.8	11.4	12.8
Lợi nhuận sau thuế	4.75	0.65	9.06	7.48	7.95
LNST của CĐ cty mẹ	1.62	-1.50	3.10	2.67	5.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-36.2	-9.47	59.0	-30.6	-174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.30	151	-77.8	-16.4	-41.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.3	-141	112	-49.1	88.3
Tiền đầu kỳ	399	327	327	421	325
Lưu chuyển tiền thuần	-72.2	0.79	93.7	-96.2	-127
Ảnh hưởng tỷ giá	0.23	-0.28	-0.08	0.03	0.06
Tiền cuối kỳ	327	327	421	325	198

(Nguồn: fireant.vn)